

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DSST

Ngày: 17/07/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn K

Các Hội thẩm nhân dân 1. Ông: Cao Tiến H

2. Bà: Đoàn Thị Q

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thùy D – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Ngày 17 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1954. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 05, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H. Vắng mặt không có lý do

Nơi cư trú: Xóm 04 (Xóm 05B cũ), xã Nam Sơn, huyện Đô Lương.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+. Bà Thái Thị H. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 05, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

+. Anh: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976. Vắng mặt không có lý do

Nơi cư trú: Xóm 04 (Xóm 05B cũ), xã Nam Sơn, huyện Đô Lương.

-Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1955. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 05, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Bà Thái Thị H thống nhất trình bày:

Vào ngày 16/10/2018 (AL), trên cơ sở quen biết, bà Nguyễn Thị H (Vợ ông Nguyễn Ngọc T – học trò cũ của ông Nguyễn Anh H) có vay của vợ chồng ông H, bà H số tiền 140.000.000 đồng, mục đích là giúp đỡ tạm thời, không có lãi suất để bà H mua hàng hóa kinh doanh. Việc vay nợ có lập thành văn bản, có chữ ký của bên vay, bên cho vay và người chứng kiến. Bà H cam kết trả số tiền trên cho vợ chồng ông H thành 02 đợt, cụ thể như sau:

- Từ 16/10/2018 đến 16/03/2019 (AL) trả 40.000.000 đồng;
- Đến ngày 16/8/2019 (Al) trả 100.000.000 đồng

Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay cho đến nay vợ chồng bà H, ông T chưa trả cho vợ chồng ông H số tiền nào, mặc dù vợ chồng ông H đã rất nhiều lần trực tiếp yêu cầu. Nay ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An buộc bà H, ông T phải cho vợ chồng ông H tổng số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Do có mối quan hệ thầy trò nên ông H không yêu cầu vợ chồng bà H, ông T phải trả tiền lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, nhiều thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T nhưng bà H, ông T đều vắng mặt không có lý do, không phản hồi các thông báo của Tòa án, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó tại hồ sơ vụ án, Tòa án không thu thập được bản tự khai của bà H, ông T, vụ án không tiến hành hòa giải được. Ông H, bà H đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa - người làm chứng – ông Nguyễn Hữu P trình bày: Ông P và ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T có quan hệ hàng xóm gần nhau, mặt khác ông P và anh Nguyễn Ngọc T còn là anh em trong cùng dòng họ (Mẹ đẻ anh Nguyễn Ngọc Th - bà Nguyễn Thị Đ là bác họ của ông P). Trong cuộc sống ông

P không có bất kỳ mâu thuẫn gì với ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T.

Ngày 16/10/2018 (AL), ông P đến nhà ông Nguyễn Anh H có trực tiếp chứng kiến sự việc vợ chồng ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H và bà Nguyễn Thị H đang tính toán, thỏa thuận lập văn bản về số tiền bà H đã vay của ông H, bà H. Bà H có trình bày về việc đã vay của ông H, bà H số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và có nhờ ông P chứng kiến và ghi vào biên bản là giấy vay tiền mặt do chính bà Nguyễn Thị H viết với nội dung đúng như giấy vay tiền mặt ông H đã nộp cho Tòa án. Sau khi xem xét giấy vay tiền, nội dung hai bên thỏa thuận lập thành văn bản, sự thừa nhận đã nhận số tiền vay 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) từ ông H của bà Nguyễn Thị H cũng như thỏa thuận thời gian trả nợ, số tiền trả nợ của hai bên, mục đích cho vay của ông H là để giúp đỡ bà H, không tính lãi suất. Bản thân ông P thấy rằng việc chứng kiến và xác nhận vào vào văn bản với tư cách người làm chứng trực tiếp chứng kiến sự việc là đúng pháp luật, đúng sự thật, phù hợp với đạo đức nên ông P đã viết vào giấy vay tiền mặt do bà Nguyễn Thị H trực tiếp viết, ký đầy đủ họ tên phần người vay tiền và ông H ký đầy đủ họ tên phần người cho vay với nội dung: *“Tôi Nguyễn Hữu P chứng kiến hai người đã thống nhất người cho vay: Nguyễn Anh H, người vay: Nguyễn Thị H”*. Ông P khẳng định việc bà Nguyễn Thị H có thừa nhận với ông P về việc đã nhận số tiền vay 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) từ ông H và tự tay bà H lập giấy giấy vay tiền mặt ngày 16/10/2018 (AL) là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà Thái Thị H) chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Nguyễn Ngọc T) không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Ngọc Thành trả số nợ gốc 140.000.000 đồng cho ông Nguyễn Anh Hòa, bà Thái Thị Hồng, không có lãi suất. Bà Nguyễn Thị Hương, ông Nguyễn Ngọc Thành phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, Các đương sự có quyền kháng cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Anh H là người cao tuổi, khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2018 (AL) đối với bị đơn Nguyễn Thị H cư trú tại Xóm 04 (Xóm 05B cũ), xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Ông Nguyễn Ngọc T) nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa lần một, lần hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Ông T) cố tình trốn tránh, không hợp tác và vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông T là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Trích lục kết hôn (Bản sao) ngày 16/06/2020 do UBND xã Nam Sơn, huyện Đô Lương cung cấp thì bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 21/04/1998 tại UBND xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy vay tiền mặt ngày 16/10/2018 (AL), lời trình bày của ông H, bà H và người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 16/10/2018 (AL), bà Nguyễn Thị H có vay của ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H số tiền 140.000.000 đồng để giải quyết khó khăn. Việc vay nợ có lập thành văn bản, có chữ ký của bên vay, bên cho vay và người chứng kiến. Bà H cam kết trả số tiền trên cho vợ chồng ông H thành 02 đợt, cụ thể: Từ 16/10/2018 đến 16/03/2019 (AL) trả 40.000.000 đồng; Đến ngày 16/8/2019 (AL) trả 100.000.000 đồng. Việc vay nợ có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu P (Anh em họ với ông Nguyễn Ngọc T) đủ cơ sở để xác định bà H có vay của ông H, bà H số tiền 140.000.000 đồng, không có lãi suất. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản, theo đó bên cho vay là ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H; bên vay là bà Nguyễn Thị H, mục đích vay giúp bà Hường giải quyết khó khăn. Theo ông H, bà H khai nại mục đích vay là giúp đỡ tạm thời, không có lãi suất để bà H mua hàng hóa kinh doanh. Do ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án làm việc nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc bà H, ông T được ông H, bà H cho vay không lấy lãi suất số tiền 140.000.000 đồng để kinh doanh nhưng bà H, ông T chây ỳ không trả nợ, không có thiện chí giải quyết vụ án là hành vi trái chuẩn mực đạo đức, đi ngược với đạo nghĩa thầy trò và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, cần xác định khoản vay nợ 140.000.000 đồng là khoản nợ chung của bà H, ông T đối với ông H, bà H. Do có mối quan hệ thầy trò nên ông H chỉ yêu cầu bà H, ông T trả số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Việc ông H, bà H không yêu cầu bà H, ông T phải trả tiền lãi suất là hoàn toàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và buộc vợ chồng bà H, ông T phải trả tổng số tiền gốc còn nợ là 140.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà H là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và lẽ công bằng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Hòa được chấp nhận, bà H, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Anh H và bà Thái Thị H tổng số tiền gốc còn nợ là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không có lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng-ời đ-ợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 t-ong ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trong tr-ờng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Anh H, bà Thái Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn K